TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 944/2022/HNGĐ-ST Ngày 21 - 6 - 2022 V/v tranh chấp ly hôn	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân;
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 424/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị Thu Th, sinh năm: 1984 (Có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A4, tổ 1, khu phố 3, phường Đ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 37/2, đường số 110, tổ 7, ấp 5, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 11/02/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Cao Thị Thu Th trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Thanh L tìm hiểu nhau được 01 năm thì tự nguyện xây dựng gia đình năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận X. Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà sống tại nhà bố mẹ bà ở phường Đ, Quận X. Cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc vì vừa kết hôn 03 ngày ông L đã bắt bà phải phụ trả nợ cho đình ông L, trong quá trình chung sống, vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau do ông L sống không có trách nhiệm với gia đình, ông L không lo làm ăn, không phụ giúp kinh tế để nuôi con mà còn cờ bạc, cá độ gây ra nợ nần, bà đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông L không nghe, không thay đổi, vẫn tiếp tục ăn chơi, cờ bạc, cá độ và phải vay nặng lãi nên thường xuyên phải trốn nợ, bà phải thường

xuyên trả nợ cho ông L , chủ nợ còn đến nhà bố mẹ bà đòi nợ, gây ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của bố mẹ bà, cha mẹ chồng cũng không quan tâm khuyên can ông L, bà và ông L đã ly thân từ ngày 10/5/2021 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Bà không thể tiếp tục chung sống với ông L được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn.

Bà và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Trúc H, sinh ngày 31/8/2014, từ lúc sinh con cho đến nay bà đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung vì hiện cháu đang sống với bà, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không có.

** Bị đơn là ông Nguyễn Thanh L vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 11/02/2022, bà Cao Thị Thu Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Thanh L, con chung có 01 cháu bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không có, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông L cư trú tại số 37/2, đường số 110, tổ 7, ấp 5, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo xác nhận của Ban chỉ huy Công an xã T, huyện C do bà Th cung cấp) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa án, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông L theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Cao Thị Thu Th và ông Nguyễn Thanh L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận X cấp ngày 25/9/2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà Th thì bà và ông L tự nguyện xây dựng gia đình, sau khi xây dựng gia đình hai bên chung sống bên gia đình bà, mâu thuẫn xảy ra ngay sau khi kết hôn được 03 ngày, nguyên nhân do ông L bắt bà phải trả nợ cho gia đình ông L, ngoài ra ông L còn cờ bạc, cá độ, vay nặng lãi bên ngoài, chủ nợ gọi điện và đến nhà đòi nợ, ông L sống không có trách nhiệm với gia đình, kinh tế một mình bà lo, bà đã cố gắng khuyên nhủ nhưng ông L không nghe, bà và ông L đã ly thân và không còn sống chung từ tháng 5/2021, bà nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống như vậy nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét ông L không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, điều đó cho thấy ông L không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà Th, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do bà Th cung cấp, nhận thấy tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà Th và ông L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Th được ly hôn với ông L là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà Th và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Trúc H, sinh ngày 31/8/2014, bà Th yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu H hiện đang sống cùng mẹ và có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà Th, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này bà Th có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà Th xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Th xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Cao Thị Thu Th về việc cho ly hôn giữa bà Cao Thị Thu Th và ông Nguyễn Thanh L.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/9/2013 cho bà Th và ông L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Th và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Trúc H, sinh ngày 31/8/2014.

Giao cháu H cho bà Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th về việc tạm thời không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Th xác định không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Th xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0044118 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết1.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA